

Câu 48: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 23, cho biết quốc lộ nào sau đây nối trực tiếp cửa khẩu quốc tế Cầu Treo với Quốc lộ 1?

- A. Quốc lộ 6. B. Quốc lộ 7. C. Quốc lộ 8. D. Quốc lộ 9.

Câu 49: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 21, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây có ngành điện tử?

- A. Cần Thơ. B. Biên Hòa. C. Thanh Hóa. D. Quy Nhơn.

Câu 50: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 17, cho biết trung tâm kinh tế nào sau đây lớn nhất vùng Duyên hải miền Trung?

- A. Huế. B. Đà Nẵng. C. Quy Nhơn. D. Nha Trang.

Câu 51: Cho bảng số liệu:

**GIÁ TRỊ XUẤT KHẨU MỘT SỐ SẢN PHẨM CỦA NƯỚC TA,
GIAI ĐOẠN 2010 - 2018**

(Đơn vị: Triệu USD)

Năm	2010	2014	2017	2018
Hàng điện tử	3590	11434	26282	29562
Giày, dép	5123	10318	14678	16236
Hàng rau, hoa quả	460	1489	3508	3806

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh giá trị xuất khẩu một số sản phẩm của nước ta trong giai đoạn 2010 - 2018?

- A. Hàng điện tử tăng chậm hơn hàng giày, dép.
B. Hàng giày, dép có tốc độ tăng nhanh thứ hai.
C. Hàng rau, hoa quả có tốc độ tăng nhanh nhất.
D. Nhóm hàng điện tử có tốc độ tăng chậm nhất.

Câu 52: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 22, cho biết nhà máy nhiệt điện nào sau đây sử dụng nhiên liệu khí đốt?

- A. Cà Mau. B. Trà Nóc. C. Thủ Đức. D. Ninh Bình.

Câu 53: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 14, cho biết núi Lang Bian nằm trên cao nguyên nào sau đây?

- A. Pleiku. B. Kon Tum. C. Lâm Viên. D. Đắk Lắk.

Câu 54: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 27, cho biết tỉnh nào sau đây của vùng Bắc Trung Bộ chưa thành lập khu kinh tế ven biển (năm 2007)?

- A. Quảng Bình. B. Quảng Trị. C. Thanh Hóa. D. Hà Tĩnh.

Câu 55: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 10, cho biết hệ thống sông nào sau đây nằm hoàn toàn trong lãnh thổ nước ta?

- A. Hệ thống sông Hồng. B. Hệ thống sông Mê Công.
C. Hệ thống sông Đà Rằng. D. Hệ thống sông Kỳ Cùng - Bằng Giang.

Câu 56: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 26, cho biết công nghiệp luyện kim đen phân bố ở nơi nào sau đây của vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ?

- A. Tĩnh Túc. B. Hạ Long. C. Cẩm Phả. D. Thái Nguyên.

Câu 57: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 9, cho biết trạm khí hậu Hà Nội thuộc vùng khí hậu nào sau đây?

- A. Trung và Nam Bắc Bộ. B. Tây Bắc Bộ.
C. Đông Bắc Bộ. D. Bắc Trung Bộ.

Câu 65: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 19, cho biết tỉnh nào sau đây có số lượng trâu nhiều hơn bò (năm 2007)?

- A. Thanh Hóa. B. Hà Giang. C. Gia Lai. D. Quảng Ngãi.

Câu 66: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 28, cho biết trung tâm công nghiệp nào sau đây ở vùng Duyên hải Nam Trung Bộ **không** có cảng biển (năm 2007)?

- A. Đà Nẵng. B. Phan Thiết. C. Nha Trang. D. Quảng Ngãi.

Câu 67: Loại rừng chiếm diện tích lớn nhất ở Bắc Trung Bộ là

- A. rừng phòng hộ. B. rừng tre nứa. C. rừng sản xuất. D. rừng đặc dụng.

Câu 68: Nhân tố chủ yếu nào sau đây thúc đẩy sự phát triển công nghiệp năng lượng ở Đông Nam Bộ?

- A. Thị trường tiêu thụ sản phẩm xuất khẩu ngày càng mở rộng.
B. Nhu cầu rất lớn về năng lượng trong phát triển công nghiệp.
C. Sự phát triển đa dạng các ngành dịch vụ sản xuất.
D. Nhu cầu tiêu thụ tăng cao của dân cư các đô thị.

Câu 69: Các vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên được xếp vào nhóm

- A. rừng tái sinh. B. rừng đặc dụng. C. rừng phòng hộ. D. rừng sản xuất.

Câu 70: Vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ có thuận lợi chủ yếu nào sau đây để trồng cây dược liệu, cây ăn quả cận nhiệt và ôn đới?

- A. Diện tích cao nguyên rộng lớn, đất feralit đa dạng.
B. Mạng lưới sông suối dày đặc, nhiều giống cây trồng.
C. Không có nhiều thiên tai bão, lụt, các loại dịch bệnh.
D. Khí hậu có mùa đông lạnh và phân hóa theo độ cao.

Câu 71: Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH VÀ DÂN SỐ MỘT SỐ VÙNG Ở NƯỚC TA, NĂM 2017

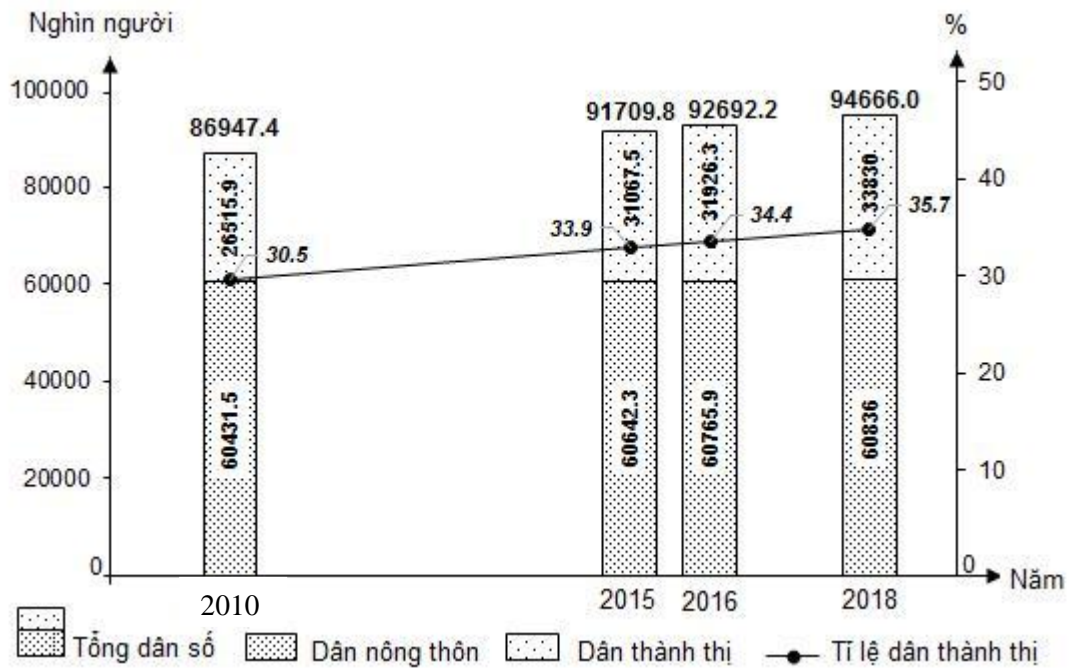
Vùng	Diện tích (km ²)	Dân số (nghìn người)
Đồng bằng sông Hồng	21259,6	21342,1
Tây Nguyên	54508,3	5778,5
Đông Nam Bộ	23552,6	16739,6
Đồng bằng sông Cửu Long	40816,3	17738,0

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Theo vào bảng số liệu trên, nhận xét nào sau đây đúng khi so sánh mật độ dân số của các vùng nước ta, năm 2017?

- A. Đông Nam Bộ cao hơn Đồng bằng sông Hồng.
B. Đông Nam Bộ cao hơn Đồng bằng sông Cửu Long.
C. Đồng bằng sông Cửu Long cao hơn Đồng bằng sông Hồng.
D. Tây Nguyên cao hơn Đồng bằng sông Hồng.

Câu 72: Cho biểu đồ về dân số nước ta giai đoạn 2010 - 2018:



(Nguồn theo Niên giám thống kê Việt Nam 2018, NXB Thống kê, 2019)

Biểu đồ thể hiện nội dung nào sau đây?

- A. Cơ cấu dân số phân theo thành thị, nông thôn và tốc độ tăng dân số thành thị.
- B. Quy mô và cơ cấu dân số nước ta phân theo thành thị - nông thôn.
- C. Tổng dân số phân theo thành thị, nông thôn và tỉ lệ dân thành thị.
- D. Tốc độ tăng tổng số dân, dân thành thị và dân nông thôn nước ta.

Câu 73: Kinh tế biển có vai trò ngày càng cao trong nền kinh tế nước ta chủ yếu do

- A. biển giàu tiềm năng, nhiều thuận lợi cho khai thác.
- B. hoạt động kinh tế đa dạng và đóng góp GDP lớn.
- C. yêu cầu của sự nghiệp công nghiệp hóa đất nước.
- D. tạo ra nhiều việc làm, thu hút lượng lao động lớn.

Câu 74: Phát biểu nào sau đây không đúng với thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa ở nước ta?

- A. Gió mùa mùa hạ ở các vùng của nước ta đều có hướng tây nam.
- B. Thực vật nhiệt đới chiếm ưu thế, phổ biến là cây họ Đậu, Vang.
- C. Các đồng bằng châu thổ vẫn tiếp tục được bồi đắp và lấn ra biển.
- D. Trong năm, nước ta chịu ảnh hưởng của Tín phong bán cầu Bắc.

Câu 75: Nguyên nhân chủ yếu làm cho địa hình nước ta có sự phân bậc rõ rệt theo độ cao là do

- A. tác động mạnh từ các hoạt động kinh tế của con người.
- B. tác động mạnh từ hoạt động ngoại lực xứ nhiệt đới.
- C. vận động tân kiến tạo làm trẻ lại trên nền cấu trúc cổ.
- D. hoạt động nội lực vẫn thường xảy ra trên toàn lãnh thổ.

Câu 76: Cho bảng số liệu sau:

**TỔNG SỐ LAO ĐỘNG VÀ LAO ĐỘNG PHÂN THEO
CÁC THÀNH PHẦN KINH TẾ CỦA NƯỚC TA QUA CÁC NĂM**

(Đơn vị : nghìn người)

Năm	2010	2012	2014	2016	2018
TỔNG SỐ	49048,5	51422,4	52744,5	53302,8	54249,4
Kinh tế Nhà nước	5017,4	4991,4	4866,8	4698,6	4523,1
Kinh tế ngoài Nhà nước	42304,6	44192,9	45025,1	45016,1	45187,9
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	1726,5	2238,1	2852,6	3588,1	4538,4

(Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam 2019: <https://www.gso.gov.vn>)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự chuyển dịch cơ cấu lao động phân theo các thành phần kinh tế ở nước ta, giai đoạn 2010 - 2018, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Miền. B. Đường. C. Tròn. D. Kết hợp.

Câu 77: Giải pháp nào sau đây là chủ yếu nhằm giảm tình trạng thiếu việc làm ở các vùng nông thôn nước ta?

- A. Giảm tỉ suất sinh, chuyển lao động ra thành phố tìm việc làm.
- B. Đẩy mạnh liên kết đào tạo nâng cao trình độ người lao động.
- C. Đa dạng hóa kinh tế nông thôn và duy trì nghề truyền thống.
- D. Di chuyển các cơ sở công nghiệp lớn về các vùng nông thôn.

Câu 78: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với thiên nhiên phân hóa đa dạng của nước ta?

- A. Ở vùng Tây Nguyên hình thành loại rừng thưa nhiệt đới khô.
- B. Thềm lục địa của Bắc Bộ và Nam Bộ thấp, nông và mở rộng.
- C. Mùa mưa của khu vực Trung bộ thường lệch vào thu - đông.
- D. Quá trình feralit bắt đầu suy giảm ở độ cao trên 1600 - 1700m.

Câu 79: Việc chuyển dịch cơ cấu trong nội bộ ngành trồng trọt nước ta đem lại ý nghĩa chủ yếu nào sau đây?

- A. Khắc phục tính mùa vụ và hạn chế những tác động của thiên tai.
- B. Khai thác hiệu quả tài nguyên, phát triển nông nghiệp hàng hóa.
- C. Tạo nhiều việc làm, đa dạng hóa kinh tế nông nghiệp nông thôn.
- D. Phá thế độc canh cây lúa và phát huy nền nông nghiệp nhiệt đới.

Câu 80: Tỉ lệ dân thành thị ở nước ta có sự chênh lệch giữa các vùng miền, nguyên nhân chủ yếu do

- A. trình độ công nghiệp hóa có sự khác nhau.
- B. không đồng đều về số dân, mật độ dân cư.
- C. lịch sử khai thác, phát triển sớm hay muộn.
- D. thuận lợi về điều kiện tự nhiên khác nhau.

----- **HẾT** -----